TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-9-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ T gồm có*:**

T phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà

Các Hội T nhân dân: Bà Trần Thị Hậu

Ông Lê Trung Nam

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử sơ T công khai vụ án thụ lý số 236/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023, về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1987; trú tại: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau; (có mặt).
- Bị đơn: Ông Lê Cao B, sinh năm 1974; trú tại: Tổ X, khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Theo Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày***:

Bà T và ông B tự nguyện kết hôn và đã được Uỷ ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn số 85/2007 vào ngày 25-8-2007.

Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trên mọi vấn đề nên thường xuyên xảy ra cải nhau, không tôn trọng nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà T yêu cầu ly hôn ông B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng bà T, ông B có 01 (một) con chung là Lê Gia B, sinh ngày 22-6-2009. Hiện tại con do bà T nuôi dưỡng nên bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Gia B sau khi ly hôn và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đối với bị đơn ông Lê Cao B:*** Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông B thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, và các văn bản tố tụng khác, nhưng ông B không tham gia làm việc, hoà giải đồng thời gửi đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Trong đơn xin giải quyết vắng mặt ông B đồng ý ly hôn với bà T và đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

* ***Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:***

- *Về tố tụng:* Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý và giải quyết vụ việc trên là đúng T quyền. Trong quá trình giải quyết, T phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào lời khai của bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng bà là có thật. Xét mâu thuẫn vợ chồng bà T, ông B đã đến mức trầm trọng, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

Về con chung: con chung của bà T, ông B hiện tại được bà T nuôi dưỡng do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, xác định vụ việc giải quyết trên thuộc loại quan hệ về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" thuộc T quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý, giải quyết là đúng T quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Cao B có đơn xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Nội dung giải quyết.

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Lê Thị T, ông Lê Cao B tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn số 85/2007 vào ngày 12-12-20025-8-2007 đúng quy định. Do đó hôn nhân của bà T, ông B là hợp pháp.

Theo bà T xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét lời khai của bà T tuy chỉ một phía, nhưng quá trình giải quyết vụ án ông B đồng ý ly hôn và vắng mặt khi toà án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ, không muốn hàn gắn tình cảm với bà T. Do đó, nhận thấy hôn nhân của bà T, ông B đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng và không thể hàn gắn được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T được ly hôn với ông B là phù hợp.

[2.2] *Về con chung:* Bà Lê Thị T, ông Lê Cao B có một con chung là Lê Gia B, sinh ngày 22-6-2009. Xét yêu cầu của bà T về giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng thì thấy: hiện tại con chung do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, phát triển bình thường, nên cần tiếp tục giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của con chung. Do đó, yêu cầu của bà T về việc giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng được chấp nhận. Bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng nên ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà T, ông B không yêu cầu nên không xem xét.

[3] *Về án phí*: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ T.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Bà T, ông B được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Uỷ ban thượng vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với ông Lê Cao B về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Lê Cao B.

- Về con chung: Bà Lê Thị T, ông Lê Cao B có 01 (một) con chung Lê Gia B, sinh ngày 22-6-2009.

Giao con chung Lê Gia B cho bà Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Lê Cao B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Cao B có quyền và nghĩa vụ thăm, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết

2. Án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ T: Bà Lê Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007280 ngày 29 tháng 6 năm 2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Như vậy, bà T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc T.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ T
T PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Thanh Trà

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã Trần Thời;
- Lưu hồ sơ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ T
CÁC HỘI T T PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Trà